

# NIÊN BIỂU LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT-NAM

Tuệ Thiện

Hồ Hồng Phước

Ấn Độ và các nước	Việt-Nam
<p><u>623 TCN</u>: Phật Đản Sanh ở vườn Lâm Tì Ni (nay thuộc Nepal).</p>	
<p><u>607 TCN</u> (16 tuổi): Cưới công chúa Yasodara.</p>	
<p><u>594 TCN</u> (29 tuổi): Vợ sanh con trai Rahula. Thái tử rời hoàng cung.</p>	
<p><u>588 TCN</u> (35 tuổi): Giác ngộ tại Bồ Đề Đạo Tràng (<i>Bodh-gaya</i>).</p>	
<p><u>543 TCN</u> (80 tuổi): Phật nhập Niết Bàn ở Kusinara. Ba tháng sau: Ngài Ca Diếp triệu tập Đại Hội Kết Tập Tam Tạng lần thứ nhất với 500 vị A La Hán tại Rajagaha, thủ đô nước Magatha.</p>	
<p><u>443 - 344 TCN</u> (101-200 PL): Đại Hội Kết Tập Tam Tạng lần thứ nhì, tại Vesali, dưới triều Vua Kalasoka.</p>	
<p><u>343 - 244 TCN</u> (201-300 PL): Hoàng Đế Asoka (A Dục) triệu tập Đại Hội Kết Tập Tam Tạng lần thứ ba, tại Pataliputra (Patna), dưới sự chủ trì của A La Hán Moggaliputta. Ngài hộ trì Phật Giáo và gởi nhiều đoàn truyền giáo đi khắp nơi. Tạng Luận được thêm vào lần này và Tam Tạng Pāli từ đó về sau được giữ nguyên như vậy.</p>	<p>Phật Giáo được truyền vào Nước ta vào thế kỷ thứ 2 và thứ 3 trước Tây Lịch với sự kiện Tiên Dung, con gái Vua Hùng Vương, và chồng là Chử Đồng Tử được nhà sư Phật Quang, người Thiên Trúc (Ấn Độ) truyền pháp cho tại núi Quỳnh Viên nằm tại cửa Nam Giới hay cửa Sót, ngày nay có tên là Nam Giới Sơn, và được nhà sư ban cho một cây gậy và một cái nón rồi nói rằng: "Linh dị và thần thông ở đây cả" (Lịch Sử PGVN, tập 1, Lê Mạnh Thát, 1999).</p>
	<p><u>243 - 144 TCN</u>: Hai vị sư Ấn Độ tên Sona và Uttara, do Vua A Dục gởi, đã tới vùng Suvannabhūmi (Đất Vàng, tức vùng Đông Nam Á: Thái Lan, Cao Miên, Việt-Nam, Lào và Mã Lai). Di tích một bảo tháp Asoka, theo sử liệu Trung Hoa, được xây dựng ở Giao Châu, tại thành Nê Lê (Đồ Sơn, cách Hải Phòng 12 km) (Sau Vua Lý Thánh Tông xây tiếp thêm bảo tháp Tường Long năm 1058).</p>
	<p><u>207 - 136 TCN</u>: Triệu Đà.</p>
<p><u>111 TCN - 39 SCN</u>: Bắc thuộc lần thứ nhất.</p>	
<p><u>29 TCN - 17 SCN</u>:</p>	

Đại Hội Kết Tập Tam Tạng lần thứ tư tại Malaya, nước Tích Lan, có 500 vị sư tham dự, lần đầu tiên được viết trên lá buông bằng chữ Pāli và được coi như là bộ Đại Tạng Pāli của truyền thống Phật Giáo Nam Tông.

40 - 43 CN:

- Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thành công. Lên ngôi làm vua được 3 năm, Hai Bà Trưng bị Mã Viện đánh bại. Bát Nàn Phu Nhân, một danh tướng của hai Bà, trốn thoát và sau đó trở thành một sư cô Phật Giáo. Đây là một chứng cứ khác chứng tỏ rằng Đạo Phật đã có vị thế vững chắc ở Giao Chỉ (Việt-Nam xưa) trước Tây Lịch.
- Luy Lâu (Hà Bắc VN) là một trong ba thị trấn cổ của Việt-Nam thuở ấy (Cổ Loa, Long Biên, Luy Lâu) trở thành một trung tâm kinh tế sầm uất. Nằm giữa con đường giao thông từ Ấn Độ sang Lạc Dương (tỉnh Hà Nam, Trung Quốc ngày nay) là kinh đô nhà Đông Hán. Đường biển là con đường giao thông dễ nhất từ Ấn Độ sang Trung Hoa và sang các nước Đông Nam Á. Các thương khách, các nhà sư Ấn Độ dừng chân tại Luy Lâu để trao đổi mua bán, để học chữ Hán và làm quen với phong tục tập quán người Hán, Luy Lâu trở thành một trung tâm văn hóa thương mại thịnh vượng .

43 - 544 (Bắc thuộc lần thứ hai):

- Mâu Tử (160 - 230) với quyển "Lý hoặc Luận".
- Khương Tăng Hội (205 - 280): Cha mẹ người gốc ở Khương Cư (Sogdiane, tức Ouzdekistan hiện nay) đến định cư và sanh ngài tại Giao Châu. Sinh trưởng tại nước ta. Rất giỏi Phạn ngữ và Hán ngữ.

Năm 255, sang kiến nghiệp truyền đạo dưới thời Ngô Tôn Quyền và mất năm 280. Ông đã phiên dịch tất cả 14 bộ kinh, nhưng đến nay chỉ còn giữ được 5 bộ và trước tác hai cuốn là "Lục Độ Yếu Mục" và "Nê Hoàn Phan Bối". Ông còn chú giải cuốn "An Ban Thủ Ý" (tức kinh *Ānāpānāsati*) do An Thế Cao dịch và dạy pháp tu thiền Quán Niệm Hơi Thở, là pháp thiền do chính Đức Phật Thích Ca đã truyền dạy khi Ngài còn tại thế.

- Các sư Nam Tông đến Việt-Nam hoằng pháp (theo Phật Giáo sử Trung Hoa):

. Năm 420, thiền sư Shangavarna, người dịch Tạng Luật ra tiếng Sanskrit.

. Thiền sư Gunavarman (Công Đức Khải), người Kashmir theo học Phật Giáo Nam Tông nhiều năm ở Tích Lan, đến hoằng pháp tại đảo Java (Indonesia). Năm 431 tới Việt-Nam, ở lại đây rất lâu trước khi tiếp tục lên đường sang Trung Quốc.

Năm 67: Đạo Phật bắt đầu vào Trung Quốc:

Mâu Tử xác định trong sách "Lý hoặc Luận" thời điểm Phật Giáo vào Trung Quốc: "Do vua Hán Minh Đế năm mộng, thấy người vàng bay trước điện, hỏi các quan, có người nói là Phật. Vua bèn sai sứ sang nước Đại Nhục Chi chép kinh đem về, sau đó dựng chùa, tạo tượng Phật. Người theo Đạo Phật bắt đầu đông từ đó.

Năm 372:

Một thiền sư Trung Hoa sang hoằng pháp tại Bắc Triều Tiên.

Năm 384:

Một thiền sư người Trung Á, tên Marananda, sang hoằng pháp tại Tây Nam nước Triều Tiên.

Năm 653, tính theo Phật lịch:

Dưới triều vua Kanishka II, một cuộc kết tập Tam Tạng tại Kashmire, theo ngài Huyền Trang thì trưởng lão Paka-sava làm chủ tọa và trưởng lão Vasu-mitra đóng vai phụ tá. Có thể đây là cuộc kết tập các kinh điển sanskrit.

<p><u>Năm 528:</u> Đạo Phật được truyền sang nước Nhật từ nước Triều Tiên.</p> <p><u>Năm 617:</u> Đạo Phật chính thức du nhập vào nước Tây Tạng.</p> <p><u>Năm 736:</u> Một phái đoàn, gồm một vị sư Việt Nam tên Fu Cheh(Phật Triết,Buttetsu), một sư Ấn Độ tên Bodhisena và vị sư Trung Hoa tên Tao Hsuan, đến nước Nhật hoàng pháp. Phật Triết đã truyền bá nhã nhạc Lâm Ấp tại chùa Daian, sau được biên tập thành Gagaku-ryo (Nhã nhạc liêu)[theo Todaiji yoroku]</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>. Vào giữa thế kỷ thứ Năm, một vị sư Nam Tông Ấn Độ tên Dharmadeva (Pháp Thiên) đến Việt Nam dạy thiền ở Tiên Sơn Tự thu nhận Huệ Thắng, người Giao Chỉ, làm đệ tử.</li> <li>. Năm 435, thiền sư Gunabhadra từ Trung Quốc đến Indrapuri (tức Huế). Ngài đã dịch kinh Tạp-A-Hàm Pāli ra tiếng Hoa.</li> <li>. Năm 488, thiền sư Sanghabala (Tăng Khải) đến Việt-Nam hoàng pháp trước khi sang Trung Hoa dịch bộ Luận Abhidhamma và bộ Luật Vināya.</li> <li>- Các thiền sư Việt-Nam sang Trung Quốc hoàng pháp:</li> <li>. Thiền sư Huệ Thắng (432 - 502) là đệ tử xuất sắc nhất của ngài Dharmadeva, được Quan Tổng Đốc Trung Hoa Liu Ze (Lưu Hội) mời sang Trung Quốc hoàng pháp vào năm Vĩnh Minh thứ 5, tức năm 487.</li> <li>. Thiền sư Đạo Thiên (? - 527), thông kinh điển, giỏi giới luật, sang Trung Hoa hoàng pháp, được vua Tào giao cho điều khiển tăng chúng, ngài đã cho thợ giới hàng ngàn sư Trung Hoa và tịch tại đó năm 70 tuổi.</li> <li>- Bồ Đề Đạt Ma, một thiền sư Nam Ấn Độ, người xứ Kanchipura, có thể đã du nhập Thiền Tông vào Việt-Nam khoảng năm 470. Ngài đến Trung Hoa vào năm 520. Nhân mạnh vào tầm quan trọng của việc tu thiền, ngài được coi như là Tổ sư thứ 1 Thiền Tông Trung Hoa (sách "Tục Cao Tăng truyện" của Đạo Tuyên).</li> <li>- Tỳ khưu ni Phổ Minh được kể là Ni sư trưởng của Phật Giáo Nam Tông (Theravāda) tại Việt Nam vào thế kỷ thứ 5.</li> </ul> <p><u>Giành độc lập khỏi sự thống trị của Trung Quốc sau cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn: nhà Tiền Lý (544 - 602):</u></p> <p>Vừa thu hồi nền độc lập, vua Lý Nam Đế cho dựng một ngôi chùa lớn vào năm 544, đặt tên chùa Khai Quốc.</p> <p><u>Bắc thuộc lần thứ ba (603 - 939):</u></p> <p>Trong thời kỳ này, có 2 THIỀN PHÁI được truyền từ Trung Hoa sang Việt-Nam:</p> <p>1) Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruchi): Ông người Ấn Độ sang Trung Hoa được tổ thứ ba của Tào là Tăng Xán truyền tâm ấn và khuyên nên "mau đi về phương Nam mà tiếp xúc với thiên hạ". Ông đến Việt-Nam vào năm 580 tu ở chùa Pháp Vân (Hà Bắc), lúc đó chùa đã là một trung tâm tu thiền khi ngài Vinitaruchi đến. Dòng thiền này truyền được 19 thế hệ. Trong đó có những vị rất nổi tiếng, như Định Không, Vạn</p>
--	---

Hạnh, Quốc sư Viên Thông...

2) Thiền phái Vô Ngôn Thông: Ông quê ở Quảng Châu, vào Việt-Nam năm 820, tu ở chùa Kiến Sơ (Hà Bắc), viên tịch năm 826. Dòng thiền này truyền được 17 đời. Có nhiều vị có công với đất nước: Thái sư Khuông Việt, Quốc sư Thông Biện...

Thời kỳ độc lập của Việt-Nam (939 - 1413): các Triều đại NGÔ ĐÌNH LÊ LÝ TRẦN:

- Vua Đinh Tiên Hoàng tôn thiền sư Ngô Chân Lưu làm Thái sư Khuông Việt, đây là vị tăng thống đầu tiên ở nước ta.

- Nam Việt Vương Đinh Liễn dựng 100 cột kinh bằng đá tại kinh thành Hoa Lư năm 973.

- Năm 1010: nhà Lý (1010 - 1225) công nhận Đạo Phật là Quốc Giáo ở Việt-Nam. Lý Công Uẩn tôn thiền sư Vạn Hạnh làm quốc sư. Ngài nổi tiếng vì trí tuệ siêu đẳng, hiểu biết quá khứ, hiện tại, vị lai, và vì Phật pháp thực hành bất bạo động.

- Một thiền phái thứ ba được coi là ngoại nhập từ Trung Hoa, là thiền phái Thảo Đường. Ông người Trung Quốc, vốn là thầy dạy đạo của vua Chiêm Thành, bị bắt làm tù binh, sau được vua Lý Thánh Tông thả ra và cho dạy đạo tại chùa Khai Quốc (Thăng Long, năm 1069). Vua Lý Thánh Tông cũng là học trò của ông. Dòng thiền này truyền được 5 đời.

- Người có công thống nhất các thiền phái ở Việt-Nam trước đó và gom toàn bộ giáo hội Phật Giáo Việt-Nam về một mối là vua Trần Nhân Tông, ông là đệ tử của một thiền sư cư sĩ là Tuệ Trung Thượng Sĩ, tên thật là Trần Tung là bác của vua. Sau 2 lần đánh bại quân Mông Cổ, vua nhường ngôi cho con, xuất gia đi tu trên núi Yên Tử (Quảng Ninh) 1299 và lập ra thiền phái Trúc Lâm, là thiền phái đầu tiên do người Việt-Nam lập ra.

Trong thời LÝ TRẦN:

Phật Giáo Việt-Nam phát triển đến độ cực thịnh. Rất nhiều công trình văn hóa độc đáo và kiến trúc vĩ đại được thành lập trong thời gian này. Tam Tạng Kinh, gồm hơn 5000 quyển, được in tại Việt-Nam vào giữa các năm 1295 và 1319. Chỉ trong khoảng từ năm 1300 và 1329, phái thiền Trúc Lâm Yên Tử đã nhận xuất gia 15000 tăng và ni. Tất cả các hoàng tử và công chúa đời Trần đều thọ Bồ Tát Giới. Sử sách Trung Hoa thời đó vẫn ca tụng nhiều về bốn công trình nghệ thuật lớn mà họ gọi là An-Nam Tứ Đại Khí:

1) Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm: chùa Quỳnh Lâm ở Đông Triều (Quảng Ninh) được xây dựng vào khoảng thế kỷ XI, có pho tượng Di Lạc bằng đồng cao khoảng 24 m, đặt trong một tòa Phật điện cao 28 m. Đứng từ bên bờ Đông Triều, cách xa 10 dặm cũng còn trông thấy nóc điện (theo văn bia mà nay vẫn còn giữ được trong chùa).

2) Tháp Báo Thiên: gồm 12 tầng, cao 40 m, do vua Lý Thánh Tông cho xây năm 1057 trong khuôn viên chùa Sùng Khánh ở phía tây hồ Lục Thủy (tức hồ Gươm Hà Nội ngày nay) bằng đá và gạch, riêng tầng thứ 12 đúc bằng đồng. Nhà thơ Phạm Sư Mạnh đời Trần làm thơ ca ngợi Tháp như sau:

Trần áp Đông Tây vững đế kì,  
Vọt cao một tháp đứng uy nghi,  
Cột chống trời Nam sông núi lặng,  
Tháp vững bao đời vẫn chẳng suy,  
Gió thổi, chuông ngân, vang ứng đáp;  
Đêm sao, đèn đuốc, ánh lưu li...

Tháp là đệ nhất danh thắng đế đô một thời.

Đến năm 1414, tháp bị quân Vương Thông (Nhà Minh) tàn phá. Nền tháp còn lại to như một quả đồi, có thời dùng làm nơi họp chợ, thời pháp bị phá hủy hoàn toàn để xây nhà thờ lớn trên đất ấy.

3) Chuông Quy Điền: Năm 1101, vua Lý Nhân Tông cho xuất kho hàng vạn cân đồng để đúc quả chuông này và dự định treo nó tại khuôn viên chùa Diên Hựu (tức là tiền thân của chùa một cột ở Hà Nội) trong một tòa tháp chuông bằng đá xanh cao 32 m. Nhưng chuông đúc xong to quá (miệng chuông có đường kính 6 m, cao 12 m) nặng tới vài vạn cân, không treo lên nổi nên đành để ở ngoài ruộng. Mùa nước ngập, rùa bò ra bờ vào nên dân gian gọi là chuông "ruộng rùa".

4) Vạc Phổ Minh: Đúc bằng đồng vào thời Trần Nhân Tông (1279 - 1293) đặt tại sân chùa Phổ Minh (làng Tức Mạc, Nam Hà). Vạc sâu 1,6 m, rộng 4 m, nặng trên 7 tấn. Có thể nấu được cả một con bò mộng; trẻ con có thể chạy nô đùa trên thành miệng vạc. Đến nay vẫn còn 3 trụ đá kê chân vạc trước sân chùa Phổ Minh.

Bắc thuộc lần thứ tư: Quân nhà MINH chiếm đóng Việt-Nam (1407 - 1428):

Hậu quả trầm trọng của giai đoạn này là sự tàn phá hủy diệt văn hóa Việt-Nam và sự xâm lăng văn hóa trắng trợn. Đạo Khổng, Đạo Lão và Đạo Phật của Trung Hoa lại tràn xuống nước ta. Toàn bộ những thành tựu văn hóa thời LÝ TRẦN đều

<p><u>Năm 1871:</u>  Đại Hội Kết Tập Tam Tạng Nam Tông lần thứ 5, do vua Mindon triệu tập tại kinh đô Mandalay, Miến Điện. Lần này Tam Tạng được khắc vào bia cẩm thạch.</p>	<p>bị quân Minh tàn phá hết sức dã man. Sắc lệnh của Minh Thành Tổ gửi cho Chư Năng và Trương Phụ ngày 21-08-1406 có đoạn: "Một khi binh lính đã vào nước Nam... thì hết thầy mọi sách vở văn tự, cho đến các loại ca lí dân gian, các sách dạy trẻ nhỏ... một mảnh một chữ phải đốt hết. Khắp trong nước... các bia do AN NAM dựng thì phải phá hủy tất cả, một chữ chớ để sót lại". Chín tháng sau, Minh Thành Tổ lại gửi chỉ dụ thúc giục như trên.</p> <p>Sự hủy diệt văn hóa Việt-Nam hiệu quả đến nỗi chỉ 1/10 cái tác phẩm Việt-Nam, gồm nhiều chú giải kinh tạng, tìm lại được sau khi Việt-Nam giành lại độc lập. Phật Giáo Việt-Nam bị suy thoái trầm trọng. Bình Định Vương Lê Lợi đánh đuổi quân Minh giành lại độc lập cho đất nước.</p> <p>1428 lên ngôi, Nhà LÊ tuyên bố lấy Nho giáo làm quốc giáo, Phật Giáo dần dần suy thoái.</p> <p><u>Vào thế kỷ thứ 15 và 16, nước Việt-Nam bị chia hai do sự phân tranh của Chúa TRINH và Chúa NGUYỄN:</u></p> <p>Trong thời kỳ này, Phật Giáo Việt-Nam được phục hồi nhờ bốn thiền sư xuất sắc:</p> <p>1/ Miền Bắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiền sư Chân Nguyên (1646 - 1726),</li> <li>- Thiền sư Hương Hải (1627 - 1715).</li> </ul> <p>2/ Miền Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiền sư Nguyên Thiều (? - 1695),</li> <li>- Thiền sư Liễu Quán (1670 - 1715).</li> </ul> <p><u>Đầu thế kỷ XVIII:</u></p> <p>Vua Quang Trung có quan tâm chấn hưng Đạo Phật, cho lệnh chỉnh trang các chùa, cho xây cất các chùa lớn đẹp, chọn các tăng nhân có học thức và đạo đức cho coi chùa, song vì vua mất sớm nên việc này không thành tựu (Trần Trọng Kim - Việt-Nam Sơ Lược - quyển II).</p> <p><u>Năm 1802:</u></p> <p>Vua Gia Long, nhà NGUYỄN lên ngôi. Vì nhu cầu củng cố uy quyền chính trị, nhà NGUYỄN đề cao Nho Giáo và tìm cách đưa Nho Giáo lên địa vị độc tôn. Phật Giáo bị hạn chế phát triển, Gia Long cũng như Tự Đức cấm làm chùa đúc tượng, tăng cường kiểm soát số sư tăng. "Tăng đồ tuổi từ 50 trở lên thì vẫn miễn lao dịch, chưa đến 50 thì phải chịu lao dịch như dân. Kẻ nào trốn tránh thì bắt tội" (Đại Nam thực lục chính biên).</p> <p><u>Năm 1884 - 1954:</u></p> <p>Việt-Nam trở thành thuộc địa của Pháp suốt 100 năm. Dưới sự cai trị của thực dân Pháp, Đạo</p>
--	--

Năm 1954:

Đại Hội Kết Tập Tam Tạng Nam Tông lần thứ 6 tại Rangoon, Miến Điện, do thiền sư Nyungun làm chủ tọa. Đại diện Phật Giáo Việt-Nam, phái đoàn Phật Giáo Nam Tông do tỷ khuru Bửu Chơn, cụ Nguyễn Văn Hiếu, được mời tham dự.

Phật suy thoái dần do sự chèn ép của văn hóa nô dịch. Trước tình trạng này kể từ năm 1920, cuộc vận động chấn hưng Phật Giáo bắt đầu ở Nam Kỳ với Hội Lục Hòa. Người đứng đầu là Hòa Thượng Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu.

Các Hội Phật Giáo ba kỳ ra đời:

- Ở Nam Kỳ: *Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học* được thành lập năm 1931 tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn; thành phần lãnh đạo là Hòa Thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Trí Thiền, cư sĩ Trần Nguyên Chấn. Cùng năm, *Hội Lương Xuyên Phật học* ra đời tại Trà Vinh. Một sự kiện đặc biệt mà ít nhà Sư học Phật Giáo quan tâm là lần đầu tiên *Phật Giáo Nguyên Thủy Việt-Nam* đã hồi sinh vào năm 1939 nhờ công lao tận tụy của Hòa Thượng Hộ Tông (nguyên là Bác Sĩ thú y) và Cư Sĩ Nguyễn Văn Hiếu. Ba năm trước đó, 1936, Đại Đức Narada (người Tích Lan) sang Việt-Nam hoằng pháp. Ngài ngụ tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn, và Ngài trồng cây Bồ Đề tại đây, lấy giống từ Ấn Độ. Tháng 9/1952, Ngài sang Việt-Nam lần 2, ngụ tại chùa Kỳ Viên, Sài Gòn, và tặng chùa một viên Xá Lợi Phật. Sau đó, Ngài thường xuyên sang Việt-Nam hoằng pháp. Thiên Sư Hộ Tông, Thiên Sư Giới Nghiêm mở những trường thiền dạy chư tăng và Phật Tử. Năm 1950, Cư Sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền thành lập *Hội Phật Học Nam Việt*, đặt trụ sở tại chùa Khánh Hưng, sau dời về chùa Phước Hòa. Ông đứng ra vận động xây dựng chùa Xá Lợi, làm trụ sở của Hội.

- Ở Trung Kỳ: *Hội An Nam Phật Học* được thành lập ở chùa Từ Đàm, Huế; đứng đầu là Hòa Thượng Giác Tiên, chùa Trúc Lâm, Huế, và Bác Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám. Hội thành lập đoàn Thanh Niên Đức Dục, gia đình Phật Hóa Phổ (tiền thân của gia đình Phật tử).

- Ở Bắc Kỳ: *Hội Phật Giáo Bắc Kỳ* được thành lập năm 1934 ở chùa Quán Sứ, Hà Nội; do công đức của Hòa Thượng Thích Thanh Hanh, Tuệ Tạng, Mật Ứng, Đức Nhuận, Tố Liên, và các cư sĩ Nguyễn Năng Quốc, Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha, Bùi Kỳ, Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim, Trần Văn Giáp, Phan Kế Bính, Nguyễn Can Mộng, Nguyễn Trọng Thuật, Lê Toại, Bùi Thiện Cơ.

Ngày 6-5-1951, 51 đại biểu của 6 tập đảng Phật Giáo Nam, Trung, Bắc họp hội nghị tại chùa Từ Đàm, Huế, đã quyết nghị thành lập **Tổng Hội Phật Giáo Việt-Nam**.

Năm 1954:

Việt-Nam được độc lập sau chiến tranh Đông Dương lần I, nhưng đất nước bị chia làm hai miền: Nam - Bắc.

Do hoàn cảnh chia cắt đất nước và chiến tranh, sự phát triển của đạo Phật cũng thăng trầm theo thế sự:

- **Miền Bắc** (1954 - 1975), không có nhiều số liệu về Phật Giáo. Sau đây là số liệu thống kê về Phật Giáo Hải Phòng của Hòa Thượng Kim Cương Tử, Ngài đã công tác hoằng pháp ở Hải Phòng 26 năm, từ 1957 đến 1983:

- . lớn nhỏ cả thầy cộng 116 chùa,
- . chư tăng ni có 61 (44 tăng, 20 ni),
- . Hơn 3000 tín đồ khai danh sách với Hội Phật Giáo Thống Nhất (đây là mới có 45 chùa trong số 116 chùa kể trên kê khai lựa chọn vào ngày đầu năm 1961)

thuộc ba phái thiền Lâm Tế, Trúc Lâm và Tào Động (Lịch sử Phật Giáo Hải Phòng viết xong tháng 11/1961).

- **Miền Nam:**

. Đại diện Phật Giáo Nam Tông Việt-Nam, gồm chư tăng và cư sĩ được mời tham dự **Đại Hội Kết Tập Tam Tạng Kinh Nam Tông lần thứ 6**, năm 1954 tại Rangoon, Miến Điện.

. Đại Hội kỳ I của Tổng Hội Phật Giáo Việt-Nam được triệu tập tại chùa Phước Hòa, Sài Gòn, ngày 1-4-1956. Trụ sở của Tổng Hội được dời từ chùa Từ Đàm về chùa Ấn Quang. Và cuộc vận động thống nhất Phật Giáo Việt-Nam thực sự bắt đầu.

. Phật Giáo Nam Tông khởi công xây Thích Ca Phật Đài ngày 20-7-1961 tại Vũng Tàu. Tất cả lãnh đạo các giáo phái Phật giáo Việt-Nam, Trung Hoa, Cambodia, họp lập ra "Ủy Ban Liên Phái Tổ Chức Lễ Khánh Thành Thích Ca Phật Đài", cử hành lễ khánh thành cực kỳ long trọng ngày 9 và 10-3-1963. Tám tháng sau, Ủy Ban Liên Phái nói trên đổi lại thành "Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Pháp".

. Hòa Thượng Thích Quảng Đức (1897 - 1963) tự thiêu ở ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, ngày 11-6-1963, và nhiều vụ tự thiêu tiếp theo để chống sự đàn áp Phật Giáo của chính phủ Ngô Đình Diệm. Hình ảnh tự thiêu một cách bình thản, không chút sợ hãi của các sư Việt-Nam và ảnh hưởng tàn khốc của chiến tranh Việt-Nam đã làm nhiều thanh niên Mỹ trở về nước sau khi mãn nhiệm vụ quân sự,



mong muốn học hỏi thêm về đạo Phật và các truyền thống văn hóa Phật Giáo. Các trường đại học như Wisconsin, California, Harvard, Yale bắt đầu mở các phân khoa Phật Học và Tôn Giáo Thế Giới.

- **Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất** (gồm các tông phái Phật Giáo Bắc Tông và Phật Giáo Nguyên Thủy) được thành lập ngày 31-12-1963 tại chùa Xá Lợi, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang.
- Cư Sĩ Trương Văn Huân bắt đầu dạy cho cư sĩ **thiền minh sát** (thực hành chánh niệm theo **Kinh Tứ Niệm Xứ**, truyền thống Mahasi) ngày 2-8-1970 tại Phúc Tuệ Tịnh Môn, Sài Gòn. Một năm sau, Thiền Sư xuất gia thành Thiền Sư Hộ Pháp.

Sau chiến tranh Đông Dương lần II:

Việt-Nam thống nhất năm 1975.

Tóm lược tình hình Phật Giáo Việt-Nam từ 1975 đến 1998:

Trong nước Việt-Nam:

1/ Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhất không thể tiếp tục hoạt động; còn Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam được thành lập vào năm 1981. Hiện nay có nhiều trường Cơ Bản Phật Học và ba trường Cao Cấp Phật Học tại Sài Gòn, Hà Nội, Huế.

2/ Thiền Sư Thích Thanh Từ đang cố gắng làm hồi sinh *Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử* (truyền thống tu thiền đời Nhà Trần), trụ sở đặt tại chùa Trúc Lâm, Đà Lạt. Hệ thống thiền viện đang phát triển: Thường Chiếu, Viên Chiếu...

3/ Hòa Thượng Thích Minh Châu hoàn tất việc dịch Tạng Kinh Pāli, và dạy thiền theo *Kinh Quán Niệm Hơi Thở* tại Thiền Viện Vạn Hạnh, Sài Gòn. Ngài là Hiệu Trưởng trường Cao Cấp Phật Học, Cơ Sở 2. Trước năm 1975, Ngài là Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh.

4/ Hòa Thượng Tịnh Sự dịch hoàn tất 7 bộ Luận Tạng Pāli. Các chư tăng Phật Giáo Nam Tông tiếp tục hướng dẫn tu thiền Minh Sát (Vipassanā) theo Kinh Tứ Niệm Xứ.

Ngoài nước Việt-Nam:

1/ Hòa Thượng Thiện Ân, một trong những Thiền Sư tiên phong mở đạo ở nước Mỹ. Công đức của Ngài được nhắc tới trong quyển sử Phật giáo Hoa Kỳ của Rich Fields: "How the Swans came to the Lake". Ngài là một trong những sáng lập viên Viện Đại Học Vạn Hạnh. Năm 1966, Ngài được Đại Học UCLA ở California mời dạy

môn triết Đông Phương. Năm 1967, do lời thỉnh cầu của nhiều sinh viên, Ngài ở lại nước Mỹ dạy họ Đạo Phật, Ngài thành lập Thiền Viện Quốc Tế (The International Buddhist Meditation Center) ở Los Angeles, sau đó lại lập Viện Cao Đẳng, rồi đổi thành trường Đại Học Đông Phương (University of Oriental Studies) vào tháng 10/1973. Năm 1975, Ngài cho xây chùa Việt-Nam và chùa A Di Đà. Ngài viên tịch ngày 21-11-1980 và để lại các công trình còn dở dang.

2/ Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhất tiếp tục hoạt động, văn phòng II đặt tại nước Mỹ. Các khóa tu học Phật Pháp mở thường xuyên cho các cư sĩ. Nhiều chùa có các hoạt động gia đình Phật tử.

3/ Thiền Sư Thích Nhất Hạnh giảng dạy tu thiền chánh niệm theo Kinh Quán Niệm Hơi Thở (Ānāpānāsati) ở chùa Làng Mai (Bordeaux, nước Pháp), nhiều người trẻ theo xuất gia (tại Đạo Tràng Mai Thôn, hiện có khoảng 70 tăng ni tu học), có rất nhiều người Tây Phương và các nước khác theo học và họ thành lập nhiều tăng thân ở nhiều nước. Có lúc có hàng ngàn người Tây Phương thọ năm giới theo đạo Phật trong một khóa tu. Nhờ công cuộc hoằng pháp không ngừng của Ngài mà hiện nay "**Đạo Phật đi vào cuộc đời**" (Engaged Buddhism) đã và đang thực hành từ nước Thái Lan đến nhiều nước Tây Phương: giúp chăm sóc người bệnh nặng sắp chết, chăm sóc người mắc bệnh SIDA (AIDS), hoằng pháp trong các nhà tù, bảo vệ các trẻ em bị lạm dụng tình dục, áp dụng chánh niệm trong việc phòng và trị bệnh, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhớ ơn tổ tiên...

Cư sĩ Phạm Kim Khánh tiếp tục trước tác, biên dịch các kinh sách Phật giáo Nguyên thủy và thành lập Trung tâm Narada ở Seattle, Hoa Kỳ để ấn tống và phát hành các kinh sách trên.

Các Thiền Sư Nam Tông VN: Kim Triệu, Đức Minh, Khánh Hỷ, Thiện Thắng...xây dựng các trung tâm thiền Tứ Niệm Xứ ở Pháp (Phật Bảo, Thích Ca Mâu Ni) ở Mỹ (Như Lai Thiền viện, Thích Ca Thiền viện) ở Gia nã đại (Bát Nhã Tv)

**Ghi chú:**

- Những thời điểm dùng trong đây là theo truyền thống Nam Tông để cho tiện việc trình bày các sự việc diễn tiến theo thời gian.